

Bản án số: 49/2026/DS-ST

Ngày: 25-3-2026

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh;
- Ông Nguyễn Minh Trí.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Kim Xuân - Tòa án nhân dân Khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh:** Bà Lê Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 730/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2026/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2026/QĐST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Phan Thị Ngọc L, sinh năm 1991; địa chỉ thường trú: Tổ C, A, xã B, tỉnh An Giang; địa chỉ tạm trú: Tổ A, ấp B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Ông Phan Văn T, sinh năm 1996; địa chỉ: Số C đường N, Tổ H, Khu phố H, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/8/2025, đơn khởi kiện bổ sung ngày 24/10/2025 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc L trình bày:** Bà Phan Thị Ngọc L và ông Phan Văn T là đồng nghiệp làm chung công ty. Khi đó, ông T là Giám đốc của Công ty cổ phần P nhưng không có tiền để trả tiền lương cho công nhân nên ông T có hỏi bà L vay tiền để lấy tiền trả cho công nhân. Vì là đồng nghiệp làm chung nên bà L đồng ý cho ông T vay số tiền 526.649.683đ vào ngày 12/4/2025, việc vay tiền có lập bằng Giấy mượn tiền, thời hạn vay là 30 ngày sau khi rút ký quỹ tiền của Công ty cổ phần P (trước ngày 30/6/2025), lãi suất hai bên không thỏa thuận. Mặc dù số tiền này ông T vay để trả tiền lương cho công nhân nhưng bà L cho ông T vay với tư cách cá nhân chứ không phải công ty. Đến khi quá thời hạn vay, bà L đã

nhiều lần yêu cầu nhưng ông T không trả mà né tránh nên buộc bà L phải khởi kiện yêu cầu ông Phan Văn T trả cho bà L số tiền 526.649.683đ, tiền lãi không yêu cầu.

*** Bị đơn ông Phan Văn T:** Quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ cho bị đơn các văn bản tố tụng gồm thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm, nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:**

+ Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật. Kiểm sát viên không có ý kiến cũng như kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì thêm về phần thủ tục.

+ Về nội dung, căn cứ theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về thẩm quyền:* Yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Ngọc L là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn có nơi cư trú tại phường P, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] *Về việc tham gia của đương sự tại phiên tòa:* Nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Phan Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ là được đăng trên B 03 kỳ liên tiếp vào các ngày 02, 03, 04 tháng 02 năm 2026 và phát sóng trên kênh Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông (V) trong 03 ngày liên tiếp 02, 03, 04 tháng 02 năm 2026 nhưng đến nay ông Phan Văn T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] *Về quan hệ pháp luật:* Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền bị đơn đã vay còn nợ là 526.649.683đ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về số tiền nợ gốc 526.649.683đ.

Theo như đơn khởi kiện, bà L yêu cầu ông T trả cho bà L số tiền đã vay 526.649.683đ theo Giấy mượn tiền ngày 12/4/2025.

Phía bị đơn đã được Tòa án thực hiện tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa

giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm, nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng.

Xét thấy: Qua xem xét Giấy mượn tiền ngày 12/4/2025 thì tổng số tiền bà L cho ông T vay là 529.649.683đ để ông T trả lương tháng 2/2025 cho công nhân của Công ty cổ phần P, cho vay số tiền 178.881.083đ. Bà L xác định, mặc dù ông T vay tiền để trả tiền lương cho công nhân nhưng ở đây ông T vay với tư cách cá nhân chứ không phải vay tư cách đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần P.

Theo như Giấy mượn tiền ngày 12/4/2025 thì tại mục “*Bên mượn*” là ông Phan Văn T, ở phía dưới của Giấy mượn tiền tại mục “*Bên mượn tiền*” ông T là người ký tên và ghi rõ họ tên. Trong nội dung của Giấy mượn tiền ngày 12/4/2025 cũng không có nội dung nào thể hiện ông T vay số tiền trên của bà L là số tiền vay cho Công ty cổ phần P. Do đó, việc bà L xác định đây là số tiền vay cá nhân ông T là có căn cứ chấp nhận.

Ngoài ra, thời hạn vay hai bên thỏa thuận là 30 ngày sau khi rút ký quỹ (trước ngày 30/6/2025) nhưng đến nay ông T không trả cho bà L là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà L nên việc bà L khởi kiện ông T trả số tiền 529.649.683đ là có căn cứ chấp nhận theo quy định quy định tại Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] *Về tiền lãi*: Do nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Từ những phân tích trên, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Ý kiến phát biểu Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[5] Về chi phí tố tụng và án phí:

+ Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Bà L phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà L đã nộp xong.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn và bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 6, Điều 8, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 91, Khoản 1 Điều 147, Khoản 2 Điều 184, Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc L đối với bị đơn ông Phan Văn T về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Buộc bị đơn ông Phan Văn T có trách nhiệm trả cho bà Phan Thị Ngọc L số tiền nợ gốc 529.649.683đ (Năm trăm hai mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm tám mươi ba đồng), tiền lãi nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem

xét giải quyết.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Bà L phải chịu và được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp trước đây tại Tòa án.

3. Về án phí sơ thẩm:

+ Trả lại cho bà L số tiền 12.532.994đ (Mười hai triệu năm trăm ba mươi hai nghìn chín trăm chín mươi bốn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0031123 ngày 27/10/2025 của Phòng thi hành án dân sự Khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bị đơn ông Phan Văn T phải chịu 25.186.000đ (Hai mươi lăm triệu một trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

4. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo luật định.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Hằng